

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2024/DS-PT

Ngày 11-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Thái

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Thái Bình

Bà Vũ Thị Thanh Hòa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

***- Bị đơn:*** Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A L, khu phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Hoài N, sinh năm: 1960 (Có mặt) (Theo giấy ủy quyền ngày 27/5/2024).

Địa chỉ: Số D, thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hoài T1 – Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (Có mặt).

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Phương Bảo Đ, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A L, khu phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Đinh Hoài N, sinh năm: 1960 (Có mặt) (Theo giấy ủy quyền ngày 27/5/2024).

Địa chỉ: Số D, thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Luật sư Nguyễn Hoài T1 – Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (Có mặt).

2. Ông Lê Thanh L1, sinh năm: 1965 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1966 (Có mặt) (Theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2024).

Cùng địa chỉ: khu phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Do có kháng cáo của: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh L1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Vào ngày 05/4/2022 (Dương lịch), vợ chồng bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phương Bảo Đ có vay tiền bà theo giấy mượn tiền ngày 05/4/2022 (dương lịch) do bà T tự viết, ký tên, bà T đã tự viết thay chữ “Phương Bảo Đ”, không có thời hạn vay.

- Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

- Mục đích vay tiền: đầu tư kinh doanh hãng nước đá (là cơ sở kinh doanh của gia đình bà T, ông Đ) và trả tiền lãi cho xã hội đen.

- Khi vay bà và bà T có thỏa thuận trả lãi suất là hàng tháng, bà T trả lãi cho bà 20.000.000đồng (tức là lãi suất là 2%/tháng), còn số tiền gốc thì khi nào bà T bán đất bên H (bên sông) sẽ trả tiền gốc cho bà.

Nhưng thực tế, từ khi vay tiền ngày 05/4/2022 (Dương lịch) bà T trả tiền lãi cho bà có tháng trả 5.000.000 đồng, có tháng trả lãi 10.000.000 đồng và bà chỉ nhận số tiền lãi từ bà T với số tiền là 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu đồng) thì bà T ngưng không trả lãi cho bà. Bà có đòi tiền gốc, thì bà T cứ hẹn khi nào bán đất bên sông sẽ trả nhưng bà T cố tình không bán để kéo dài. Bà T đã vi phạm việc thỏa thuận, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Hiện nay kinh tế gia đình bà rất khó khăn, ngân hàng đòi nợ nên bà yêu cầu vợ chồng bà T, ông Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ khi vay tiền là ngày 05/4/2022 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Về tiền lãi: Bà và bà T thỏa thuận lãi suất hàng tháng trả 20.000.000đồng (tức là lãi suất 2%/tháng) và bà đã nhận tiền lãi của bà T là 85.000.000 đồng, lãi

suất vượt quá quy định của pháp luật (vượt quá 20%/năm) nên bà tự nguyện và đồng ý yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại lãi suất là 1,65%/tháng (thấp hơn 20%/năm); cụ thể bà yêu cầu:

Tiền lãi tính từ ngày vay tiền là (ngày 05/4/2022) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 17/6/2024), là 27 tháng. Bà tự nguyện tính tròn cho bà T, ông Đ tròn 25 tháng được tính như sau:  $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,65\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 412.500.000 \text{ đồng}$  (Bốn trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Bà đã nhận tiền lãi của vợ chồng bà T, ông Đ là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng), bà chấp nhận trừ ra trong tổng số tiền lãi mà vợ chồng bà T, ông Đ phải trả cho bà; cụ thể  $\{412.500.000 \text{ đồng tiền lãi phải trả} - 85.000.000 \text{ đồng tiền lãi đã nhận} = 327.500.000 \text{ đồng}$  (Ba trăm hai mươi bảy triệu đồng năm trăm nghìn đồng)}. Bà yêu cầu vợ chồng bà T, ông Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà toàn số tiền gốc và lãi đến ngày xét xử (ngày 17-6-2024) là:  $\{1.000.000.000 \text{ đồng (Một tỷ đồng) gốc} + 327.500.000 \text{ đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu đồng năm trăm nghìn đồng) tiền lãi} = 1.327.500.000 \text{ đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)}\}$ .

Chứng cứ phía vợ chồng bà T, ông Đ xuất trình tại phiên Tòa ngày 17-6-2024 là cuốn sổ bì màu đỏ là chữ viết, chữ ký của bà T, ông Đ thì bà hoàn toàn không thừa nhận. Bà chỉ có chứng cứ duy nhất mà bà cung cấp cho Tòa án là cuốn sổ bì màu cam dạ quang do chính bà T tự viết, ký và bà T viết thay tên chồng Phương Bảo Đ “giấy mượn tiền” ngày 05/4/2022, bà T đưa cho bà giữ.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phương Bảo Đ trình bày:*

Bà T, ông Đ đều thừa nhận, ông bà có làm ăn chung với bà L, hình thức là vay tiền của bà L nhiều lần, còn thời gian thì vợ chồng ông bà không nhớ vì lâu rồi. Bà T thừa nhận, khi vay tiền của bà L thì bà T là người trực tiếp viết vào cuốn sổ bì màu cam dạ quang có tiêu đề “giấy mượn tiền” ngày 05/4/2022; với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) mà bà L đã giao nộp cho Tòa án chính là chữ viết và chữ ký do chính bà viết ra, bà viết thay chữ “Phương Bảo Đ” cho chồng bà, vì chồng bà bận công việc không đến nhà bà L mượn tiền cùng bà.

Nhưng nay vợ chồng ông, bà cho rằng chỉ còn nợ bà L số tiền gốc là 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng) chứ không phải 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo đơn khởi kiện của bà L. Vì tờ nợ gốc 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng) bà L đã xé.

Trong cuốn sổ bì màu cam dạ quang ngày 05/4/2022 mà bà T ghi có tiêu đề là “giấy mượn tiền” với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) nhưng thực tế là tiền vay có trả lãi. Bà với bà L thỏa thuận hàng tháng trả 20.000.000 đồng (tức là lãi suất 2%/tháng). Từ khi viết giấy mượn tiền ngày 05/4/2022 cho bà L thì bà có trả lãi cho bà L có tháng trả lãi 5.000.000 đồng, có tháng trả lãi

10.000.000 đồng (trả không đúng theo thảo thuận). Tổng cộng bà trả lãi cho bà L được 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu đồng) thì ngưng, vì làm ăn khó khăn, mất khả năng trả tiền lãi theo thỏa thuận và bà L có đòi tiền gốc từ vợ chồng bà nhiều lần nhưng vợ chồng bà không có khả năng trả. Từ đó, bà L làm đơn khởi kiện vợ chồng bà yêu cầu trả tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì bà không đồng ý. Vợ chồng bà chấp nhận điều chỉnh lãi theo lãi suất 0,83%/tháng, còn theo văn bản pháp luật nào để áp dụng tính lãi thì vợ chồng bà không biết. Vì thực tế, số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) bà viết trong cuốn sổ, bìa màu cam dạ quang ngày 05/4/2022 có tiêu đề “giấy mượn tiền” trong đó có cả tiền lãi bà L cộng dồn lại mới thành số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Nhưng vợ chồng bà không có cơ sở để chứng minh cho việc cộng dồn tiền lãi thành tiền gốc.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ là ông Đinh Hoài N trình bày:*

Về chứng cứ mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L cung cấp cho Tòa án (bút lục số 34-35) là không có cơ sở pháp lý để khởi kiện bị đơn, vì hợp đồng vay tài sản phải có chữ ký của 02 (hai) bên; tức là cả bên cho vay và bên vay cùng ký vào mới có giá trị pháp lý. Vì vậy, cuốn sổ, bìa màu cam dạ quang ngày 05/4/2022 có tiêu đề “giấy mượn tiền” với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) do chính bà T tự viết, tự ký và viết thay cho chồng Phương Bảo Đ mà bà T đưa cho bà L giữ làm chứng cứ là không có giá trị về mặt pháp lý nên không có cơ sở đi khởi kiện.

Về chứng cứ bà T, ông Đ cung cấp tại phiên tòa ngày 17-6-2024 là cuốn sổ bìa màu đỏ có tiêu đề “giấy mượn tiền” ngày 1-1-2019 số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cũng do chính bà T tự viết, tự ký và ông Đ ký vào do vợ chồng bà T, ông Đ giữ chứ không đưa cho bà L giữ và đó là chứng cứ chứng minh cho vợ chồng bà T, ông Đ có vay tiền của bà L từ năm 2019 nhưng không có chữ ký xác nhận của bà L (là người cho vay).

Ông cho rằng 02 (hai) chứng cứ trên đều không có giá trị về mặt pháp lý để đi khởi kiện. Vì vậy, hiện nay vợ chồng bà T, ông Đ không có nợ tiền gì của bà L nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ngày 20/6/2024, ông N có nộ cho Tòa án bằng giải trình về lãi suất của việc vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) từ năm 2019 để chứng minh cho nghĩa vụ của vợ chồng bà T, ông Đ.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Nguyễn Hoài T1 trình bày:*

Về số tiền phía nguyên đơn đi khởi kiện bị đơn 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc là căn cứ vào chứng cứ (bút lục số 34-35) nhưng về hình thức đã vi phạm vì về quy định hợp đồng không chứng thực, chỉ có một mình bên là bên vay tự viết, tự ký xác lập (giao cho nguyên đơn giữ). Vì theo quy định hợp

đồng thì phải có 02 (hai) bên xác lập; tức là (bên cho vay và bên vay) cùng ký vào “giấy mượn tiền”.

Vì vậy, cơ sở pháp lý: “giấy mượn tiền” trong cuốn sổ, bìa màu cam dạ quang ngày 05/4/2022 (bút lục số 34-35) do bà T tự ghi, tự ký và viết thay tên chồng Phương Bảo Đ chưa hợp lý. Hơn nữa, bị đơn thừa nhận chỉ vay của nguyên đơn là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu) tiền gốc theo “giấy mượn tiền” ngày 1-1-2019 mà vợ chồng bà T, ông Đ cung cấp tại phiên tòa ngày 17-6-2024 do chính bà T tự viết, tự ký và ông Đ có ký, nhưng bà L không ký xác nhận. Nếu căn cứ vào 02 (hai) chứng cứ; 01 chứng cứ do chính bà L cung cấp (bút lục số 34-35) bà T thừa nhận; 01 chứng cứ do vợ chồng bà T cung cấp tại phiên ngày 17-6-2024 bà L không thừa nhận đều không có cơ sở. Vì nếu nguyên đơn muốn khởi kiện bị đơn có cơ sở thì nguyên đơn phải thông báo cho bị đơn biết là bị đơn đã vi phạm thời hạn trả tiền gốc chưa? và số tiền gốc còn nợ lại cụ thể là bao nhiêu? và phải có giấy thông báo đòi nợ. Vì vậy theo quan điểm của luật sư là nguyên đơn không đủ điều kiện đi khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong thụ lý vụ án chưa đúng quy định pháp luật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong quyết định:*

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 2 điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L đối với bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phương Bảo Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh L1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024

của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ngày 04/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong nhận được Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 03/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và ông Phương Bảo Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và ông Phương Bảo Đ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và ông Phương Bảo Đ trình bày: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L không cung cấp được tài liệu chứng minh có việc vay tiền giữa bà L với bà T đối với số tiền 01 tỷ đồng được ghi trong giấy mượn tiền ngày 05/4/2022 do bà L không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc bà L đã giao số tiền 01 tỷ đồng cho bà T và theo giấy mượn tiền ngày 05/4/2022, các bên hẹn khi nào bán được đất thì trả tiền, không thỏa thuận về thời hạn trả tiền nên bà T không vi phạm. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh L1; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Phương Bảo Đ phải trả số tiền gốc 01 tỷ đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 1,2%/tháng và chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh L1; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong trong thời hạn trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh L1 có kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của ông L1 có mặt nên hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn trả số nợ gốc và tiền lãi. Căn cứ vào địa chỉ của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền giải quyết.

[3] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T cùng chồng là ông Phương Bảo Đ trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,65%/tháng tính từ ngày 05/4/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/6/2024) sau khi trừ đi số tiền lãi 85.000.000 đồng bà T đã trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị Kim L có cung cấp cuốn sổ bì màu cam dạ quang có tiêu đề “*giấy mượn tiền*” ngày 5/4/2022 thể hiện nội dung “*vợ chồng tôi có mượn chị L số tiền 1.000.000.000 (1 tỷ đồng) một tỷ, nay tôi có hứa trả hàng tháng 20.000.000 đồng.... nay để làm giấy này để làm bằng chứng*”. Phần nội dung trong giấy mượn tiền trên đều có do bà T tự viết, tự ký và viết thay chữ Phương Bảo Đ (chồng bà T).

Xét kháng cáo, kháng nghị, hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Thanh T thừa nhận nội dung trong cuốn sổ bì màu cam dạ quang mà bà Nguyễn Thị Kim L cung cấp là do bà T tự viết, tự ký và bà T viết thay chữ “*Phương Bảo Đ*” đồng thời bà trình bày khoản tiền nợ này được cộng dồn từ khoản nợ khác theo cuốn sổ màu đỏ có tiêu đề “*giấy mượn tiền*” ngày 1/1/2019 với số tiền 200.000.000 đồng do bà T tự viết, tự ký và có chữ ký của chồng bà là ông Phương Bảo Đ. Bà cho rằng bà chỉ vay số tiền gốc 200.000.000 đồng từ năm 2019 sau đó cộng dồn tiền lãi nhiều lần đến ngày 05/4/2022 thì bà L ép buộc bà T phải viết vào cuốn sổ bì màu cam dạ quang nội dung “*giấy mượn tiền*” ngày 05/4/2022 vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi bị bà L ép ghi xong thì bà L liền giật lấy cuốn sổ và bỏ đi về.

Lời khai nại của bị đơn cho rằng giấy mượn tiền ngày 05/4/2022 do bà L ép buộc bà T phải viết vào cuốn sổ bìa màu cam dạ quang vay số tiền 1.000.000.000 đồng là không có căn cứ vì sau khi bị bà L ép buộc ghi thì bà T không đến chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình báo sự việc trên cho đến khi bà L làm đơn khởi kiện đến Tòa án.

Ngoài ra, bị đơn giải trình cách tính cộng dồn các khoản lãi từ khoản tiền vay 200.000.000 đồng với lãi suất có lúc 5%, lúc 8,3%, lúc 4,38%/tháng để chứng minh cho việc ghi giấy tiền mượn tiền ngày 05/4/2022 số tiền 01 tỷ đồng từ khoản vay trước đó được cộng dồn lãi và gốc cho nên bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn khai nại cho rằng nguyên đơn không chứng minh được việc giao nhận số tiền 01 tỷ đồng để xác lập việc vay mượn giữa hai bên và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà T đều thừa nhận tài liệu chứng cứ nội dung trong cuốn sổ bìa màu cam dạ quang mà bà Nguyễn Thị Kim L cung cấp là do bà T tự viết, tự ký và chữ “Phuong Bảo Đ” là do bà viết thay và cũng thừa nhận cuốn sổ màu hồng nhạt có họa tiết hình người in chữ vạn sự như ý mà bà đã cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/6/2024 là để theo dõi trả tiền cho bà L. Sổ theo dõi được ghi trả bắt đầu từ ngày 10/5/2022 (sau ngày vay tiền 05/4/2022) bà T đã trả lãi với số tiền 85.000.000 đồng là phù hợp với thời gian của khoản vay số tiền 01 tỷ đồng vào ngày 05/4/2022.

Việc thừa nhận của bị đơn Huỳnh Thị Thanh T đối với các tài liệu chứng cứ trên phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đây cũng là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đủ căn cứ để xác định bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, việc xác lập trên giấy mượn tiền là căn cứ thực hiện nghĩa vụ hoàn trả theo quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn không chứng minh việc giao tiền, không ai chứng kiến, bị đơn không thừa nhận và hình thức giấy vay tiền không có chữ ký xác nhận của nguyên đơn để tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét toàn diện vụ án, không đúng quy định pháp luật.

Theo nội dung “giấy mượn tiền” ngày 05/4/2022 trong cuốn sổ bìa màu cam dạ quang không có thỏa thuận kỳ hạn trả nhưng có thỏa thuận lãi nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, bên cho vay phải báo trước một khoảng thời gian cho bên vay. Tuy nhiên, từ khi bà T vay tiền cho đến ngày trả lãi cuối cùng (17/5/2023) thì bà T không trả lãi nữa và bà L đã nhiều lần đòi nhưng bà T hẹn nhiều lần không trả nên được coi là bà L đã báo trước một khoảng thời gian trước khi khởi kiện, do đó, quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và ông Đ là không có cơ sở chấp nhận.



Như vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện vợ chồng bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T có trách nhiệm trả số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng là có căn cứ.

[4] Do việc các bên thỏa thuận lãi suất vay là 20.000.000 đồng/tháng tương ứng với 24%/năm là trái với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L tự nguyện điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất Ngân hàng là 1,2%/tháng (thấp hơn 20%/năm). Việc tự nguyện giảm khoản lãi suất có lợi cho bị đơn và không trái quy định pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L yêu cầu tiền lãi tính từ ngày vay tiền ngày 05/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/6/2024 là 02 năm 02 tháng 16 ngày tương ứng với 26 tháng 16 ngày; bà L yêu cầu làm tròn số, chỉ yêu cầu 25 tháng tiền lãi nên số tiền lãi là: 1.000.000.000đồng x 1,2%/tháng x 25 tháng = 300.000.000đồng.

Số tiền lãi bà T chưa thanh toán là: 300.000.000đồng – 85.000.000 đồng = 215.000.000 đồng.

[5] Đối với việc liên đới trách nhiệm trả nợ chung: Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bà T vay tiền của bà L trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay tiền để đầu tư cơ sở nước đá (cơ sở kinh doanh của gia đình) để phát triển kinh tế gia đình và tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ xác định việc vay mượn của bà T, ông Đ có biết, bà T vay mượn nhằm mục đích làm kinh tế gia đình. Do đó, cần buộc ông Đ liên đới cùng bà T phải trả khoản tiền vay và lãi phát sinh cho bà L là phù hợp với quy định.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh L1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Phương Bảo Đ phải có trách nhiệm trả số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và 215.000.000 đồng tiền lãi, phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Thanh L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh L1.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 03/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Phương Bảo Đ phải trả số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng và 215.000.000 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng sự;

- Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phương Bảo Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Phương Bảo Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L tổng số tiền 1.215.000.000 (một tỷ hai trăm mười lăm triệu) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và tiền lãi 215.000.000 (Hai trăm mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày 18/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Buộc bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Phương Bảo Đ phải nộp 48.450.000 (bốn mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0020055 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

- Về án phí phúc thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Thanh L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

+ Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006935 ngày 08/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

+ Hoàn trả lại cho ông Lê Thanh L1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006938 ngày 08/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/9/2024).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND, VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Thái**